

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 57/205 đường B, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 57/205 đường B, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82 , 83, 84 ,110,116,117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và Anh Nguyễn Văn G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau :

2.1.Về con chung và việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và Anh Nguyễn Văn G công nhận vợ chồng có 02 người con chung là: Nguyễn Văn S, sinh ngày 12-8-2005 và Nguyễn Quang P, sinh ngày 25-9-2011. Hai bên thỏa thuận: Giao cả 02 con là Nguyễn Văn S và Nguyễn Quang P cho Chị Nguyễn Thị Quỳnh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn G tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là:

2.000.000 đồng/ 1 con/1 tháng x 2 con= 4.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung: Chị H và Anh G thỏa thuận tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị H và Anh G xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và Anh Nguyễn Văn G mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng nay Chị Nguyễn Thị Quỳnh H tự nguyện nộp thay tiền án phí ly hôn cho Anh Nguyễn Văn G, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Chị Nguyễn Thị Quỳnh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 007613 ngày 11-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả lại cho Chị Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn G phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TP. Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND p.X, Tp.H;
- (ĐKKH ngày 22/4/2005)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dân án.

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú